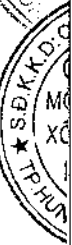


**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hưng Yên là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước, hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0900108373, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2010.

Vốn điều lệ của công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng)

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Trụ sở hoạt động: Số nhà 94, đường Điện Biên I, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Hoạt động chính của công ty là:

- Kinh doanh phát hành xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi có thưởng.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đăng Lộc	Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Cường	Phó giám đốc
Ông Đào Ngọc Tám	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty cho những năm tiếp theo.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 01 năm 2016

TM Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Đăng Lộc



Số: 08/2016/BCTC-PNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hưng Yên, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016 từ trang 5 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Hưng Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT**



**Phó giám đốc**

**Vũ Thị Anh Hoài**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*Số: 1404-2013-136-1*

**Kiểm toán viên**

**Đặng Hải Hà**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*Số: 2558-2013-136-1*

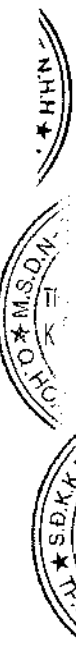
MẪU B01 - XS

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	100		5.442.554.771	5.658.466.473
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		5.148.726.222	5.556.651.974
1. Tiền	111	V.01	5.148.726.222	5.556.651.974
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		73.060.190	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.02	73.060.190	
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	140		175.519.220	56.565.360
1. Hàng tồn kho	141	V.03	175.519.220	56.565.360
2. <del>Tài sản ngắn hạn khác</del>	<del>151</del>		<del>45.249.139</del>	<del>45.249.139</del>
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		12.257.642.158	12.523.725.465
<b>II- Tài sản cố định</b>	220		12.257.642.158	12.523.725.465
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	4.491.242.158	4.757.325.465
- Nguyên giá	222		5.843.405.465	5.843.405.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.352.163.307)	(1.086.080.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	7.766.400.000	7.766.400.000
- Nguyên giá	228		7.766.400.000	7.766.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		<b>17.700.196.929</b>	<b>18.182.191.938</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.529.863.591</b>	<b>3.015.858.600</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.529.863.591</b>	<b>3.015.858.600</b>
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		166.527.000	450.562.935
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.06	1.316.188.315	1.207.690.767
4. Phải trả người lao động	314		960.167.012	334.318.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		43.957.958	43.957.958
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.07	24.119.256	80.246.010
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.08		653.786.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.904.050	245.296.930
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.170.333.338</b>	<b>15.166.333.338</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.09</b>	<b>15.170.333.338</b>	<b>15.166.333.338</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.230.000.000	13.230.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.940.333.338	1.936.333.338
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>17.700.196.929</b>	<b>18.182.191.938</b>

Hưng Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Tám

Nguyễn Đăng Lộc

MẪU B02 - XS

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>36.510.830.000</b>	<b>37.303.371.817</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		36.510.830.000	37.303.371.817
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		3.616.690.909	3.877.509.090
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			379.545.454
1.1.3. Xổ số bóc	01.1.3		2.434.116.364	2.139.503.636
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		30.460.022.727	30.906.813.636
1.1.5. Xổ số cặp	01.1.5			
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2			
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>VI.02</b>	<b>4.762.282.174</b>	<b>4.865.657.194</b>
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		4.762.282.174	4.865.657.194
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		471.742.292	505.762.055
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			49.505.929
2.1.3. Xổ số bóc	02.1.3		317.493.439	279.065.692
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		3.973.046.443	4.031.323.518
2.1.5. Xổ số cặp	02.1.5			
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
<b>Doanh thu thuần (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>31.748.547.826</b>	<b>32.437.714.623</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		31.748.547.826	32.437.714.623
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		3.144.948.617	3.371.747.035
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			330.039.525
3.1.3. Xổ số bóc	10.1.3		2.116.622.925	1.860.437.945
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		26.486.976.284	26.875.490.119
3.1.5. Xổ số điện cặp	10.1.5			
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2			
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.04</b>	<b>28.880.156.866</b>	<b>28.938.791.285</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		28.880.156.866	28.938.791.285
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		23.826.331.836	23.798.664.939
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		5.053.825.030	5.140.126.346
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
<b>5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.868.390.960</b>	<b>3.498.923.338</b>
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		2.868.390.960	3.498.923.338
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2			



**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HUNG YÊN**

Số nhà 94, đường Điện Biên I, phường Lê Lợi,  
Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

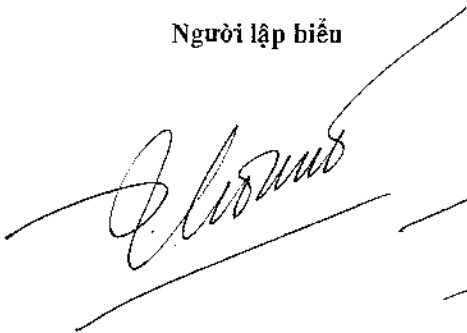
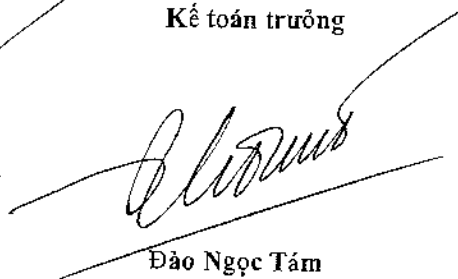
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.020.025.910	1.219.333.641
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	4.154.346.553	4.392.855.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(265.929.683)	325.401.465
11. Thu nhập khác	31	VI.06	286.817.772	9.047.773
12. Chi phí khác	32	VI.07	754.642	4.821.331
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		286.063.130	4.226.442
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.133.447	329.627.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.429.358	72.518.140
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		15.704.089	257.109.767

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Đào Ngọc Tám

Hưng Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2016



Nguyễn Đăng Lộc

31  
C  
337  
TN  
HVN  
NTI  
YÊN  
C.H

MẪU B03 - XS

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		40.909.671.100	41.042.097.600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(603.792.242)	(465.349.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.018.968.175)	(2.946.991.181)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(72.518.140)	(162.013.165)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.049.500	754.080.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.962.576.143)	(39.271.779.955)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(742.134.100)</i>	<i>(1.049.955.701)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		334.208.348	533.806.368
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>334.208.348</i>	<i>533.806.368</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<i>(407.925.752)</i>	<i>(516.149.333)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.556.651.974	6.072.801.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>5.148.726.222</u>	<u>5.556.651.974</u>

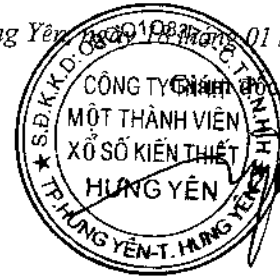
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2016




Đào Ngọc Tám



Nguyễn Đăng Lộc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hưng Yên là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước, hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0900108373, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2010.

Trụ sở hoạt động: Số 94 đường Điện Biên I, phường Lê Lợi, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh phát hành xổ số.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh phát hành xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi có thưởng.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

**2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty;

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của Công ty. Theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 quy định "TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không phải tính khấu hao".

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	3-50 năm
- Phương tiện vận tải	6-8 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3-8 năm
- TSCĐ khác	3 năm

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).

**7. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng**

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch;

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cân lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó (đãi với hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp ghi vào TK 711 "Thu nhập khác").

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số;

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

##### *Chi phí bán hàng:*

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí nhân viên, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

##### *Chi phí quản lý doanh nghiệp:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

#### 15. Các nghĩa vụ về thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 01. Tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	335.994.996	292.609.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.812.731.226	5.264.042.924
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>5.148.726.222</b>	<b>5.556.651.974</b>

## 02. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	73.060.190			
- Tạm ứng				
- Phải thu khác	73.060.190			
b) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>73.060.190</b>			

## 03. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vé xổ số:	175.519.220		56.565.360	
<b>Cộng</b>	<b>175.519.220</b>		<b>56.565.360</b>	

## 04. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình: (Trang 16)

## 05. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số dư đầu năm		7.766.400.000	7.766.400.000
Mua trong năm			
Chuyển sang chi phí trả trước			
Số dư cuối năm		7.766.400.000	7.766.400.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm			
Khấu hao trong năm			
Chuyển sang chi phí trả trước			
<del>Số dư cuối năm</del>			
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm		7.766.400.000	7.766.400.000
Tại ngày cuối năm		7.766.400.000	7.766.400.000



**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HƯNG YÊN**

Số nhà 94, đường Điện Biên I, phường Lê Lợi,

Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

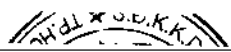
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**04. Tài sản cố định hữu hình**

MẪU B09 - XS

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	5.257.057.465	122.500.000	369.500.000	94.348.000	5.843.405.465
Mua trong năm					
Đầu tư XD/CB hoàn thành					
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	<u>5.257.057.465</u>	<u>122.500.000</u>	<u>369.500.000</u>	<u>94.348.000</u>	<u>5.843.405.465</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	(557.160.000)	(78.200.000)	(369.500.000)	(81.220.000)	(1.086.080.000)
Khấu hao trong năm	(211.975.307)	(40.980.000)		(13.128.000)	(266.083.307)
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	<u>(769.135.307)</u>	<u>(119.180.000)</u>	<u>(369.500.000)</u>	<u>(94.348.000)</u>	<u>(1.352.163.307)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.699.897.465	44.300.000		13.128.000	4.757.325.465
Tại ngày cuối năm	<u>4.487.922.158</u>	<u>3.320.000</u>			<u>4.491.242.158</u>
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					<u>463.848.000</u>



## 06. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	313.917.528	3.665.252.267	3.052.017.478	927.152.317
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	313.917.528	3.665.252.267	3.052.017.478	927.152.317
<i>- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu</i>				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	821.255.099	4.762.282.174	5.198.930.633	384.606.640
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.518.140	4.429.358	72.518.140	4.429.358
Thuế thu nhập cá nhân		19.009.795	19.009.795	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp		3.000.000	3.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.207.690.767</b>	<b>8.453.973.594</b>	<b>8.345.476.046</b>	<b>1.316.188.315</b>
<i>b) Phải thu</i>				

## 07. Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Bảo hiểm xã hội		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.119.256	80.246.010
<b>Cộng</b>	<b>24.119.256</b>	<b>80.246.010</b>
<i>b) Dài hạn</i>		

## 08. Dự phòng phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Dự phòng rủi ro trả thưởng		653.786.000
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		
Dự phòng phải trả khác		
<b>Cộng</b>		<b>653.786.000</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT HƯNG YÊN**

Số nhà 94, đường Điện Biên I, phường Lê Lợi,

Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B09 - XS

**09. Vốn chủ sở hữu**

**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Số dư đầu năm trước	13.230.000.000	1.302.952.073	628.640.858		15.161.592.931
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước				257.109.767	257.109.767
Tăng khác		626.575.960			626.575.960
Lỗ trong năm trước					
Trích lập các quỹ		13.000.000		(257.109.767)	(244.109.767)
Giảm khác		(6.194.695)	(628.640.858)		(634.835.553)
Số dư đầu năm nay	13.230.000.000	1.936.333.338			15.166.333.338
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay				15.704.089	15.704.089
Tăng khác					
Lỗ trong năm nay					
Trích lập các quỹ		4.000.000		(15.704.089)	(11.704.089)
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	<u>13.230.000.000</u>	<u>1.940.333.338</u>			<u>15.170.333.338</u>

**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	13.230.000.000	13.230.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	<u>13.230.000.000</u>	<u>13.230.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	13.230.000.000	13.230.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	13.230.000.000	13.230.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.940.333.338	1.936.333.338

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển:* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	36.510.830.000	37.303.371.817
+ Xổ số truyền thống	3.616.690.909	3.877.509.090
+ Xổ số cào		379.545.454
+ Xổ số bóc	2.434.116.364	2.139.503.636
+ Xổ số lô tô	30.460.022.727	30.906.813.636
+ Xổ số cặp		
Doanh thu kinh doanh khác		
Cộng	<u>36.510.830.000</u>	<u>37.303.371.817</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	4.762.282.174	4.865.657.194
+ Xổ số truyền thống	471.742.292	505.762.055
+ Xổ số cào		49.505.929
+ Xổ số bóc	317.493.439	279.065.692
+ Xổ số lô tô	3.973.046.443	4.031.323.518
+ Xổ số cặp		
Giảm trừ doanh thu khác		
Cộng	<u>4.762.282.174</u>	<u>4.865.657.194</u>

## 03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	31.748.547.826	32.437.714.623
+ Xổ số truyền thống	3.144.948.617	3.371.747.035
+ Xổ số cao		330.039.525
+ Xổ số bóc	2.116.622.925	1.860.437.945
+ Xổ số lô tô	26.486.976.284	26.875.490.119
+ Xổ số cặp		
Doanh thu kinh doanh khác		
Cộng	<u>31.748.547.826</u>	<u>32.437.714.623</u>

## 04. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	28.880.156.866	28.938.791.285
- Chi phí trả thưởng	23.826.331.836	23.798.664.939
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	5.053.825.030	5.140.126.346
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		
Cộng	<u>28.880.156.866</u>	<u>28.938.791.285</u>

## 05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.498.637	533.806.368
Doanh thu hoạt động tài chính khác	685.527.273	685.527.273
Cộng	<u>1.020.025.910</u>	<u>1.219.333.641</u>

## 06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác	286.817.772	9.047.773
Cộng	<u>286.817.772</u>	<u>9.047.773</u>

## 07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác	754.642	4.821.331
Cộng	<u>754.642</u>	<u>4.821.331</u>

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

8.1 Chi phí bán hàng

8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.698.000.000	2.592.319.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	266.083.307	293.820.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.775.124	321.039.265
Chi phí bằng tiền khác	983.488.122	1.182.677.249
<b>Cộng</b>	<b>4.154.346.553</b>	<b>4.392.855.514</b>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.429.358	72.518.140
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.429.358	72.518.140

VII. Những thông tin khác

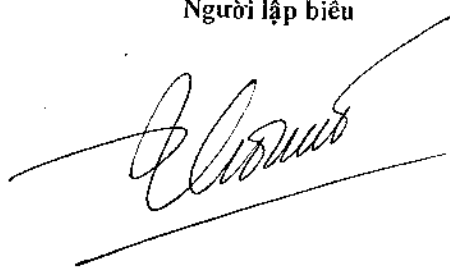
1. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Hưng Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT.

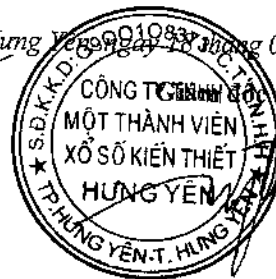
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hưng Yên ngày 18 tháng 01 năm 2016




Đào Ngọc Tám



Nguyễn Đăng Lộc